

**BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN**

2011

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**



VCBS



MỤC LỤC

I.	<u>Giới thiệu VCBS:</u>	2
1.1	<u>Thông tin cơ bản:</u>	2
1.2	<u>Các thành tựu nổi bật:</u>	2
1.3	<u>Tầm nhìn VCBS:</u>	3
1.4	<u>Sơ đồ tổ chức:</u>	3
1.5	<u>Dịch vụ:</u>	3
1.5.1	<u>Dịch vụ chứng khoán:</u>	3
1.5.2	<u>Dịch vụ Ngân hàng đầu tư:</u>	4
1.6	<u>Các chỉ số tài chính:</u>	5
II.	<u>Điểm lại các sự kiện kinh tế nổi bật trong và ngoài nước 2010:</u>	6
III.	<u>Điểm lại các sự kiện nổi bật trên TTCK Việt Nam 2010:</u>	7
IV.	<u>Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của VCBS:</u>	8
4.1	<u>Hoạt động Môi giới:</u>	8
4.2	<u>Hoạt động Đầu tư:</u>	8
4.3	<u>Hoạt động kinh doanh Vốn và Trái phiếu:</u>	8
4.4	<u>Hoạt động Tư vấn tài chính:</u>	8
4.5	<u>Phát triển mạng lưới:</u>	8
V.	<u>Phương hướng phát triển năm 2011:</u>	9
5.1	<u>Nhận định thị trường 2011:</u>	9
5.2	<u>Định hướng hoạt động năm 2011:</u>	9
VI.	<u>Báo cáo tài chính năm 2010:</u>	10
VII.	<u>Mạng lưới hoạt động:</u>	16

I. Giới thiệu VCBS:

1.1 Thông tin cơ bản:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS) được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT ngày 07/01/2002 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. VCBS tự hào là một trong những công ty đầu tiên tham gia trên thị trường chứng khoán Việt Nam và đã tạo dựng được thương hiệu uy tín là một trong những công ty dẫn đầu trên thị trường trong nhiều năm.

- **Tên Công ty** : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- **Tên tiếng Anh** : Vietcombank Securities Co.,Ltd
- **Tên giao dịch viết tắt** : VCBS
- **Vốn điều lệ** : 700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng)
- **Trụ sở chính** : Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại** : (04) 39366990
- **Fax** : (04) 39360262
- **Email** : vcbs@vcbs.com.vn
- **Website** : www.vcbs.com.vn
- **Ngành nghề hoạt động** :

VCBS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:

- ✓ Môi giới Chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư Chứng khoán;
- ✓ Tự doanh;
- ✓ Lưu ký Chứng khoán;
- ✓ Bảo lãnh Phát hành;
- ✓ Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp.

1.2 Các thành tựu nổi bật:

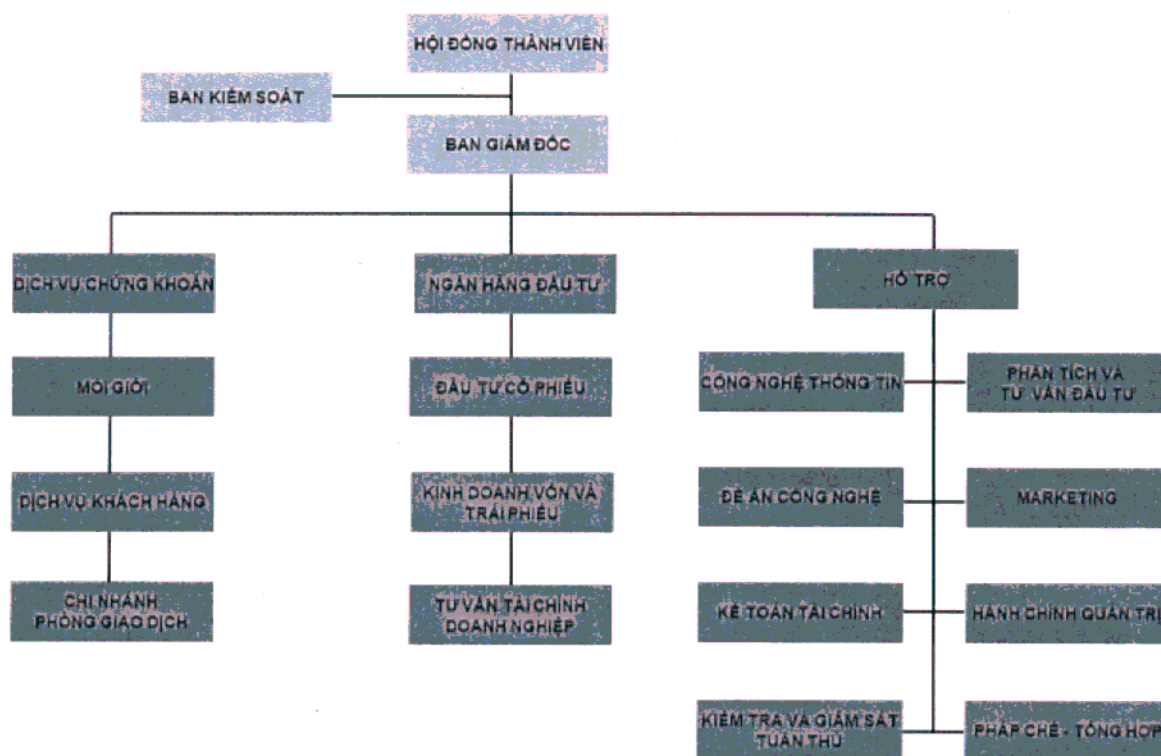
- ✓ Là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán qua mạng Internet với tiện ích Cyber Investor.
- ✓ Là công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện thành công hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp.
- ✓ Dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp.

huy

1.3 Tầm nhìn VCBS:

Trở thành Ngân hàng Đầu tư hàng đầu trên thị trường Việt Nam và là một thực thể quan trọng của TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH VIETCOMBANK trong mảng hoạt động Ngân hàng đầu tư.

1.4 Sơ đồ tổ chức:



1.5 Dịch vụ:

1.5.1 Dịch vụ chứng khoán:

i. Tư vấn đầu tư:

VCBS luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin, phục vụ quyết định đầu tư của Khách hàng. VCBS cung cấp tới Khách hàng những thông tin đa dạng bao gồm các bản phân tích thị trường định kỳ, báo cáo chuyên sâu về ngành, công ty, ý kiến tư vấn về chiến lược và kỹ thuật giao dịch.

ii. Đặt lệnh giao dịch:

Với hệ thống công nghệ hiện đại kết nối trực tuyến với HSX, HNX, khách hàng hoàn toàn có thể yên tâm về tốc độ truyền lệnh nhanh, chính xác trong tất cả các trường hợp đặt lệnh/sửa lệnh/hủy lệnh. Khách hàng có thể truy vấn số dư tài khoản 24/24 qua hệ thống Cyber Investor trên website của VCBS.

iii. Dịch vụ giá trị gia tăng:

Với lợi thế là nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp, với đội ngũ phân tích tài chính có trình độ cao và mạng lưới khách hàng đa dạng là các tổ chức tài chính có uy tín, các

huy

tổng công ty lớn, VCBS luôn sẵn sàng cung cấp cho quý khách hàng các thông tin cập nhật nhất:

- Chia sẻ thông tin thị trường, các báo cáo phân tích ngành, phân tích cổ phiếu...
- Tìm nguồn hàng cho các giao dịch thoả thuận với khối lượng lớn.
- Giới thiệu các cơ hội đầu tư cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường sơ cấp do VCBS tư vấn, bảo lãnh, quản lý sổ cổ đông...

1.5.2 Dịch vụ Ngân hàng đầu tư:

i. Huy động vốn:

Dịch vụ Huy động vốn bao gồm phát hành cổ phiếu/trái phiếu (phát hành riêng lẻ hoặc/và phát hành ra công chúng) và bảo lãnh phát hành (cổ phiếu và trái phiếu).

Căn cứ vào nhu cầu và tình hình mỗi doanh nghiệp, khách hàng sẽ được tư vấn từ bước lựa chọn loại chứng khoán phát hành (cổ phiếu, trái phiếu, sản phẩm kết hợp) cũng như phương thức (riêng lẻ/ra công chúng) phát hành, tư vấn các thủ tục liên quan... đến việc tìm kiếm nhà đầu tư.

Song song với các dịch vụ phát hành cổ phiếu và trái phiếu, dịch vụ Bảo lãnh phát hành cũng được cung cấp nhằm đảm bảo sự thành công của việc phát hành, giúp cho doanh nghiệp chắc chắn có đủ số vốn cần huy động vào ngày kết thúc đợt phát hành.

ii. Tư vấn niêm yết:

Dịch vụ tư vấn niêm yết bao gồm tư vấn niêm yết tại HSX; tư vấn niêm yết tại HNX; tư vấn đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM.

Với dịch vụ này, doanh nghiệp sẽ được tư vấn toàn bộ các bước cần thực hiện để niêm yết/ đăng ký giao dịch từ bước khảo sát và chuẩn hóa các điều kiện niêm yết, định giá doanh nghiệp; lập hồ sơ niêm yết theo quy định; thực hiện thủ tục xin phép niêm yết, đăng ký, lưu ký chứng khoán tới việc tư vấn công bố thông tin nhằm xây dựng hình ảnh của công ty đối với nhà đầu tư và các tư vấn khác sau niêm yết.

iii. Tư vấn mua bán sáp nhập:

Thông qua hoạt động mua bán sáp nhập, các doanh nghiệp có thêm cơ hội mở rộng kinh doanh, thâm nhập thị trường một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Với dịch vụ này, doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ nhằm tìm kiếm đối tác phù hợp theo yêu cầu. Khách hàng sẽ được tư vấn từ việc lựa chọn đối tác (bên mua/ bên bán); khảo sát, định giá doanh nghiệp mục tiêu; dàn xếp và thương lượng giữa các bên; tư vấn tái cơ cấu sau khi mua/bán và hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết để hoàn thiện việc mua bán, sáp nhập.

iv. Tư vấn chuyển đổi và tái cấu trúc doanh nghiệp:

Dịch vụ này bao gồm: tư vấn chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, TNHH, chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần và ngược lại, chuyển đổi công ty có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần....; tư vấn tái cấu trúc tài chính: Tái cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay, tài sản....;

tư vấn tái cấu trúc tổ chức: Tái cơ cấu mô hình quản lý: chia, tách, sáp nhập, thành lập công ty con....

Để phù hợp với sự phát triển không ngừng của mình, các doanh nghiệp đôi khi cần chuyển đổi về vấn đề cơ cấu sở hữu vốn và mô hình quản trị mới. Việc lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp (công ty cổ phần, TNHH....) sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sự hoạt động cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Với nghiệp vụ này, khách hàng sẽ được tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp nhất, tư vấn thực hiện các bước chuyển đổi linh hoạt, đơn giản và đúng quy định của pháp luật.

v. Tư vấn khác:

- Định giá doanh nghiệp;
- Tư vấn đăng ký công ty đại chúng;
- Đánh giá hiệu quả tài chính của dự án;
- Tư vấn đại hội đồng cổ đông;
- Tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược.....

1.6 Các chỉ số tài chính:

Đơn vị: 1.000 VND

	2009	2010	2011
Thị phần môi giới CP&CCQ	2,94 %	1,8%	1,95%
Thị phần môi giới TP	28,58 %	28%	28%
Doanh thu	326.880.256	466.408.909	148.817.574
Lợi nhuận thuần	330.903.693	34.931.017	12.338.235
Tổng tài sản	1.807.609.735	2.076.944.236	3.191.764.465
Vốn chủ sở hữu	803.656.608	825.708.110	835.503.709

hy

II. Điểm lại các sự kiện kinh tế nổi bật trong và ngoài nước 2011:

2.1 Các sự kiện kinh tế thế giới:

Kinh tế thế giới chịu nhiều rủi ro: tăng trưởng kinh tế và giá cả chịu nhiều tác động tiêu cực. Khủng hoảng nợ công ở Châu Âu vẫn chưa có giải pháp cuối cùng dẫn đến việc Moody's hạ mức tín nhiệm trái phiếu chính phủ của Hy Lạp và Tây Ban Nha và cảnh báo tác động tiêu cực cho các nền kinh tế Châu Âu do thiếu hụt nguồn vốn và giảm tổng cầu. Bên cạnh đó, Standard & Poor's cũng đánh giá nợ công của Mỹ từ ổn định sang tiêu cực, báo hiệu sự mất cân bằng trong ngân sách của chính phủ. Thảm họa động đất và sóng thần ở Nhật Bản xảy ra vào tháng 3/2011 và lũ lụt ở Thái Lan cũng ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng kinh tế và thị trường tài chính trong ngắn hạn. Những biến động chính trị tại Châu Phi cũng gây có ảnh hưởng không mấy lạc quan đối với thị trường dầu mỏ quốc tế. Sự bất ổn của kinh tế thế giới nói chung trong giai đoạn đầu năm đã gây tâm lý lo lắng cho giới đầu tư toàn cầu muốn tìm kiếm một nơi trú ẩn an toàn và đẩy giá vàng tăng cao.

2.2 Các sự kiện kinh tế Việt Nam:

Lạm phát leo thang kéo dài và có nguy cơ gây ra các bất ổn cho nền kinh tế đã buộc Chính phủ Việt Nam phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt và tài chính tiết kiệm thể hiện trong nội dung của Nghị quyết 11/NQ-CP. Do vậy, càng về cuối năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng chính sách kinh tế. Lạm phát trung bình 12 tháng tăng đến 18,58% so với 2010. So sánh hai thời điểm cuối năm, lạm phát tăng 18,13%. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm đạt 5,89%, thấp hơn mức tăng 6,78% của năm 2010 và thấp hơn so với kế hoạch là 6%. Các ngành mũi nhọn như công nghiệp và xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng đều tăng trưởng ở mức thấp và không giữ được vai trò là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế. Ảnh hưởng tiêu cực trên thị trường tài chính thế giới và sự bất ổn vĩ mô của Việt Nam đã làm tăng sự thận trọng của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): FDI đăng ký sụt giảm 26% so với 2010, trong đó vốn đăng ký mới giảm 35% so với trước. Bên cạnh đó, hoạt động xuất nhập khẩu giảm tốc: xuất khẩu tăng 11,4% trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 3,8% (đã loại trừ yếu tố tăng giá). Tuy nhiên, thâm hụt cán cân thương mại mặc dù có giảm nhưng vẫn ở mức cao, đạt 9,5 tỷ USD. Tỷ giá USD/VND có biến động lớn trong những tháng đầu năm tuy nhiên đã ổn định dần về cuối năm với mức điều chỉnh tăng giảm trong biên độ cho phép +/-1%. Sự ổn định tỷ giá có được cũng nhờ sự quyết tâm thực hiện hàng loạt chính sách mới của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước nhằm hạn chế tình trạng đô la hóa của nền kinh tế và kéo theo dự trữ ngoại hối tăng đáng kể. NHNN và Chính phủ cũng có nhiều động thái quyết liệt trong việc ổn định thị trường vàng, tiến tới loại bỏ dần tình trạng đầu cơ trong nước, nhằm chuyển hướng dòng tiền vào sản xuất kinh doanh.

III. Điểm lại diễn biến trên thị trường chứng khoán Việt Nam 2011:

Năm 2011, xu hướng giảm điểm là xu hướng chủ đạo của thị trường chứng khoán. Ngoại trừ hai đợt phục hồi ngắn vào cuối tháng 5 và giữa tháng 8, toàn bộ thời gian còn lại trong năm thị trường có diễn biến giao dịch trầm lắng, giá trị thanh khoản sụt giảm và các chỉ số chứng khoán lao dốc mạnh. Nguyên nhân cốt lõi là rủi ro vĩ mô luôn hiện hữu: chính sách kinh tế làm cho dòng tiền vào thị trường chứng khoán sụt giảm, kinh tế khó khăn và nền kinh tế chưa cho thấy một dấu hiệu ổn định và tốt lên tạo nên kỳ vọng hoạt động kinh doanh không tốt của doanh nghiệp. Chốt phiên giao dịch cuối năm VNIndex và HNX Index lần lượt đóng cửa ở 351,55 và 58,74 điểm, giảm tương ứng 27,46% và 48% so với cuối năm trước. Các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng hạn chế giao dịch, thể hiện qua động thái mua ròng với giá trị nhỏ trong các quý đầu năm và chuyển sang trạng thái bán ròng rõ nét trong nửa cuối của năm.

Cùng với sự suy giảm của thị trường, các công ty chứng khoán gặp khó khăn và chịu thua lỗ trong năm 2011. Nhiều công ty phải thực hiện cắt giảm nhân sự, thu hẹp hoạt động, và thậm chí loại bỏ một số nghiệp vụ chứng khoán khỏi lĩnh vực kinh doanh. Số ít các công ty có lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động khác như kinh doanh vốn.

IV. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 của VCBS:

Các chỉ tiêu kinh doanh chính 2011:

- Tổng tài sản: 3192 tỷ đồng
- Tổng doanh thu : 149 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 12,77 tỷ đồng

4.1 Hoạt động Môi giới:

Doanh thu môi giới năm 2011 của VCBS đã đạt con số là 30 tỷ đồng. Thị phần cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đạt 1.95% và thị phần trái phiếu đạt 28%.

4.2 Hoạt động Đầu tư:

Do diễn biến xấu của TTCK, trong năm 2011, VCBS chủ yếu tập trung vào xây dựng quy trình quy chế, kiện toàn công tác nhân sự. Bên cạnh đó, rà soát, cơ cấu lại danh mục đầu tư, tìm kiếm cơ hội đầu tư trung và dài hạn.

4.3 Hoạt động kinh doanh Vốn và Trái phiếu:

Hoạt động kinh doanh vốn và trái phiếu trong năm 2011 có được nhiều thuận lợi từ tình hình biến động tăng lãi suất trên thị trường tiền tệ trong giai đoạn 9 tháng đầu năm. Công ty cũng chú trọng tới hoạt động đầu trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp, là kênh đầu tư hiệu quả và có tỷ suất lợi nhuận cao.

4.4 Hoạt động Tư vấn tài chính:

Năm 2011 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn của VCBS nói riêng và đa số các CTCK trên thị trường nói chung. Tuy nhiên, được sự giúp đỡ hỗ trợ và chỉ đạo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, VCBS đã thu được những kết quả quan trọng, trong đó có các thương vụ hợp nhất, sáp nhập, mua bán với giá trị lớn (đặc biệt liên quan đến 02 thương vụ hợp nhất/ sáp nhập 05 ngân hàng), bước đầu gây dựng lại uy tín về chất lượng hoạt động tư vấn.

4.5 Phát triển mạng lưới:

Do điều kiện thị trường và sự thay đổi trong môi trường kinh doanh nên VCBS không thành lập thêm các Chi nhánh theo như kế hoạch. Ngược lại, VCBS đã rà soát và sắp xếp lại mạng lưới các chi nhánh, PGD theo hướng tập trung hoá các hoạt động tác nghiệp, kiểm soát chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động.

V. Phương hướng phát triển năm 2012:

5.1 Nhận định thị trường 2012:

Kiểm chế lạm phát tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ Việt Nam trong năm 2012, sự phục hồi của nền kinh tế đòi hỏi cần có thời gian, do vậy hoạt động của thị trường chứng khoán dự báo vẫn còn nhiều khó khăn trong ngắn hạn.

Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ có sự điều chỉnh cụ thể mà trước hết là việc cơ cấu lại các CTCK, dự kiến trong năm 2012 sẽ có nhiều CTCK bị giải thể hoặc phá sản do tài chính yếu kém, chất lượng tài sản thấp, mất thanh khoản, do thua lỗ từ hoạt động đầu tư và do chi phí hoạt động quá lớn và đây là cơ hội tốt cho những CTCK có tài chính lành mạnh.

Thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ chuyển sang xu hướng mới, tập quán của Nhà đầu tư cũng sẽ thay đổi, thay vì dựa vào các sản phẩm hỗ trợ tài chính, các Nhà đầu tư sẽ phải cân nhắc và đây là thời điểm để các CTCK có các tiện ích tốt cho Nhà đầu tư sẽ được quan tâm.

5.2 Định hướng hoạt động năm 2012:

- Đầu tư cổ phiếu: theo dõi thường xuyên để nắm bắt kịp thời cơ hội đầu tư trung & dài hạn trong năm 2012; Nâng cao tính chuẩn mực, chất lượng công tác, chất lượng cán bộ.
- Kinh doanh vốn và trái phiếu: Hoạt động kinh doanh vốn sẽ tiếp tục chú trọng các cơ hội đầu tư, mua bán trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính: nhận thức rõ vai trò quan trọng của hoạt động tư vấn trong các hoạt động nghiệp vụ trong thời gian tới. VCBS chủ trương trong năm 2012 sẽ trọng tâm hoạt động tư vấn vào phát triển mảng dịch vụ mũi nhọn là tư vấn M&A, thu xếp giao dịch;
- Môi giới: tiếp tục tập trung phát triển và hoàn thiện các dịch vụ gia tăng và các tiện ích cho Nhà đầu tư, để Nhà đầu tư có được sự thuận tiện cao nhất trong các giao dịch mua bán chứng khoán, thanh toán chuyển tiền, thực hiện các quyền như kết nối tài khoản của Nhà đầu tư giữa VCB-VCBS, thiết lập trung tâm Dịch vụ Khách hàng (Contact Centre), cải tiến nâng cao hiệu năng của hệ thống hiện có, thúc đẩy nhanh việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng ...vv.
- Công nghệ: tập trung lựa chọn và phát triển giải pháp phần mềm quản lý hoạt động và kinh doanh chứng khoán (CORE) làm nền tảng cho phát triển dịch vụ và tăng cường công tác quản trị của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính năm 2011 (đã kiểm toán):

6.1 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011:

	Mã số	Thuyết minh	31-12-11 VND'000	31-12-10 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.008.907.156	1.966.774.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.653.284.781	1.692.864.753
Tiền	111		2.338.284.781	435.864.753
Các khoản tương đương tiền	112		315.000.000	1.257.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	307.676.532	216.322.457
Đầu tư ngắn hạn	121		315.417.392	219.971.090
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(7.740.860)	(3.648.633)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	6	41.297.230	49.164.313
Phải thu từ khách hàng	131		1.699.148	45.12
Trả trước cho người bán	132		608.656	538.269
Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135		11.533.813	18.807.410
Các khoản phải thu khác	138		27.455.613	29.773.514
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.648.613	8.422.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	3.034.988	3.078.355
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	8	3.368.741	5.294.914
Tài sản ngắn hạn khác	158		244.884	49.567
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182.857.309	110.169.877
II. Tài sản cố định	220		4.125.793	8.569.440
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.110.305	7.970.925
Nguyên giá	222		31.748.087	35.429.340
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.637.782)	(27.458.415)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.488	598.515

Nguyên giá	228		2.173.140	2.173.140
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.157.652)	(1.574.625)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	157.410.053	82.755.356
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		183.252.386	101.979.427
Đầu tư dài hạn khác	258		13.440.000	13.440.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(39.282.333)	(32.664.071)
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.321.463	18.845.081
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.105.674	1.668.152
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	16.854.314	13.835.354
Tài sản dài hạn khác	268	13	3.361.475	3.341.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.191.764.465	2.076.944.236
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		2.356.260.756	1.251.236.126
I. Nợ ngắn hạn	310		2.355.976.146	1.250.767.564
Phải trả người bán	312		117.56	390.013
Người mua trả tiền trước	313		315	568.98
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14	1.080.334	2.632.288
Phải trả người lao động	315		12.459.055	15.037.394
Chi phí phải trả	316		56.856	972.222
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	905.07	950.615
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	321	16	12.998.502	15.150.226
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.981.175	6.881.408
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	17	2.322.062.594	1.208.184.418
II. Nợ dài hạn	330		284.61	468.562
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		284.61	468.562
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		835.503.709	825.708.110

my

I. Vốn chủ sở hữu	410		835.503.709	825.708.110
Vốn điều lệ	411	18	700.000.000	700.000.000
Vốn khác	413		914.795	914.795
Quỹ đầu tư và phát triển	417		30.762.096	30.762.096
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	24.637.237	24.094.828
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419	19	4.568.345	4.025.936
Lợi nhuận chưa phân phối	420		74.621.236	65.910.455
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.191.764.465	2.076.944.236

6.2 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán:

	Mã số	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
6. Chứng khoán lưu ký	6	8.966.112.670	6.664.393.520
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	7	8.649.202.180	5.837.206.960
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8	6.622.290	5.059.480
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	9	6.881.220.350	4.584.939.750
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	10	1.761.359.540	1.247.207.730
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	12	225.849.600	689.889.050
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	14	218.649.600	689.889.050
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	15	7.200.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	27	37.263.000	36.162.170
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	28	-	34.563.720
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	29	37.253.000	1.598.450
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	30	10	-

hy

6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	37	53.797.890	101.135.340
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	38	200	15.44
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	39	53.478.570	101.029.770
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	40	319.12	90.13

6.3 Kết quả hoạt động kinh doanh:

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
Doanh thu	1		148.817.574	466.408.909
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu môi giới chứng khoán	1.1		29.980.914	67.645.091
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.2		24.592.185	26.563.497
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.3		450	459.852
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.4		6.002	48.279
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	1.5		3.547.282	1.141.057
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6		236.22	116.402
Doanh thu khác	1.9	20	90.004.971	370.434.731
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		148.817.574	466.408.909
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	(67.203.996)	(350.799.341)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		81.613.578	115.609.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(69.275.343)	(80.678.551)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.338.235	34.931.017
Thu nhập khác	31		447.808	-
Chi phí khác	32		-11.68	-75.732

Lợi nhuận trước thuế	50		12.774.363	34.855.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	(1.926.173)	(7.838.775)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lợi nhuận thuần	60		10.848.190	27.016.510

6.4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Mã số	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	12.774.363	34.855.285
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	4.897.397	6.751.552
Các khoản dự phòng	3	10.710.489	20.158.658
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	-63.454	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(3.173.277)	(15.376.327)
Thu nhập tiền lãi	5	(89.517.178)	(368.656.760)
Chi phí lãi vay	6	1.548.611	292.593.706
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(62.823.049)	(29.673.886)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9	13.628.453	460.545.967
Biến động các khoản phải thu, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	10	7.228.052	(4.828.734)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	1.105.019.806	241.285.870
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	(2.433.015)	(4.202.637)
Lãi vay đã trả	13	(2.520.833)	(291.621.484)
Thuế TNDN đã nộp	14	-	(11.315.467)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	59.899
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20	1.058.099.414	360.249.528
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản	21	-453.75	(3.094.038)

hy

dài hạn khác			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	63.454	-
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư	24	386.436.643	18.974.421
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(582.898.376)	(121.440.980)
Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận	27	99.172.643	362.461.061
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30	(97.679.386)	256.900.464
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	960.420.028	617.149.992
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.692.864.753	1.075.714.761
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	70	2.653.284.781	1.692.864.753

VII. Mạng lưới hoạt động:

Trụ sở chính:

Tầng 17, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84-4-39366990 Fax: 84-4-39360262

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM
Lầu 6, toà nhà Khánh Nguyên, số 63 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TPHCM
Tel: 84-8-38200799 Fax: 84-8-38200770

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 2, toà nhà TCT Du lịch Hà Nội, số 10 đường Hải Phòng, Phường Hải Châu 1,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: 84-511-3888991 Fax: 84-511-3888881

Chi nhánh Cần Thơ:

Tầng trệt, toà nhà Bưu điện, số 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (84-710)-3750 888 Fax: (84-710)-3750 878

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: (84-64) 3513974 - 3513975 - 3513976 - 3513977 - 3513978 Fax: (84-64)-
3513 979

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng:

Toà nhà Lawrence Sting, số 801 Nguyễn Lương Bằng, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận
7, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8)-5413 6573 Fax: (84-8)-5413 6574

Điểm chăm sóc khách hàng tại Đồng Nai:

77C Hưng Đạo Vương, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Tel: 84-61-3948313 Fax: 84-613-3940312

Điểm chăm sóc khách hàng tại An Giang:

Số 1 Đường Hùng Vương, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel: 84-76-3841803 Fax: 84-76-3841591

Điểm chăm sóc khách hàng tại Hải Dương:

66 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Tel: 84-320-3896424 Fax: 84-320-3894255

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NH TMCP NT VIỆT NAM

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHÓ GIÁM ĐỐC



16

Le Việt Hà